TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 29/2022/DS-ST Ngày 22/8/2022 Về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hành;

2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Đại H, sinh năm 1973 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 34 khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1995 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 34 khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Giấy ủy quyền ngày 16/11/2021).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 (Có mặt) và bà Dương Thị C, sinh năm 1980 (Có mặt); cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 11/11/2021 (Bút lục 02) và ngày 01/12/2021 (Bút lục 82), Bản tự khai ngày 20/6/2022 (Bút lục 99) cũng như quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 103) và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trần Đại H và người đại diện theo ủy quyền của ông Hiệp là chị Nguyễn Minh T trình bày:

Năm 2016, chủ Hộ kinh doanh Trường H là ông Trần Đại H với vợ chồng ông Nguyễn Văn N - bà Dương Thị C có giao kết với nhau Hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản, Hợp đồng này không được lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Đến ngày 12/3/2018, đôi bên giao kết Hợp đồng bằng văn bản cùng nội dung, đối tượng mua bán như trên. Theo Hợp đồng, từ ngày 27/02/2016, ông H bán cho ông N - bà C thức ăn tôm và thuốc thủy sản, phía ông N phải thanh toán vào cuối vụ nuôi; ông H được quyền chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu thanh toán nếu bên ông N để phát sinh công nợ cao.

Thực hiện Hợp đồng, ông H đã bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông N - bà C đủ số lượng, đảm bảo chất lượng theo đặt hàng; bên ông N đều ký xác nhận vào Sổ giao hàng, không có ý kiến phản đối nhưng vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Khi công nợ lên đến 692.469.000 đồng, ông N với bà C chỉ thanh toán được 20.000.000 đồng vào ngày 21 và 24/12/2018, trả lại hàng còn dư có giá trị 9.280.000 đồng và đến tháng 6/2021 trả thêm được 2.000.000 đồng nên còn nợ ông H 661.189.000 đồng. Đã nhiều lần ông H yêu cầu, ông N và bà C không trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông H khởi kiện, yêu cầu ông N - bà C trả số tiền còn nợ nêu trên và lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Tổng cộng, số tiền còn nợ tính đến ngày 22/8/2022 là 661.189.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi mốt triệu một trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là bản sao Căn cước công dân, Sổ tạm trú, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bút lục 03 đến 12); bản fotocoppy Hợp đồng mua bán, Bảng đối chiếu xác nhận công nợ, Sổ giao hàng (Bút lục 14 đến 54); Giấy ủy quyền, bản sao Giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền (Bút lục 56, 57); Đơn xác nhận về cư trú của bị đơn (Bút lục 67).

- Theo Biên bản lấy lời khai đối với bị đơn Nguyễn Văn N (Bút lục 86) cũng như quá trình giải quyết vụ án (Bút lục 103) và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn là ông N và bà Dương Thị C trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn N - bà Dương Thị C thừa nhận đã giao kết hợp đồng mua bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản với ông Trần Đại H, chủ Đại lý Trường H; đôi bên đã thực hiện Hợp đồng trong thời gian dài, đã giao dịch với nhau rất nhiều lần từ năm 2016 dù chỉ hợp đồng bằng lời nói, đến năm 2018 mới ký hợp đồng bằng văn bản. Thực tế, vợ chồng ông N đã có gần 20 năm nuôi tôm, được đại lý khác đầu tư và chưa từng xảy ra tranh chấp; đến năm 2016, bên ông H tiếp cận, năn nỉ mua thức ăn và thuốc của ông H, hứa hẹn sẽ lo hết từ đầu đến cuối nên vợ chồng ông N mới theo.

Tuy nhiên, khi mua bán với ông H thì phát sinh vướng mắc; bên ông H không thực hiện lời hứa, đã cắt hàng bán cho vợ chồng ông N từ năm 2019. Sau khi kiểm tra, đối chiếu và trao đổi thì vợ chồng ông N thống nhất, thừa nhận còn nợ ông H 661.189.000 đồng. Việc giao kết hợp đồng và nhận thức ăn, thuốc thủy sản của ông H do ông N - bà C thực hiện; vợ chồng ông N mua tài sản để trực tiếp nuôi tôm, không có ai khác liên quan ngoài vợ chồng ông N, không có ai cùng đầu tư chăn nuôi với ông N - bà C nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông N với ông H, được cộng dồn từ năm 2016.

Do chăn nuôi khó khăn, mấy năm gần đây đều thua lỗ; ông H lại cắt hàng, đại lý cũ trước đây không đầu tư lại nên vợ chồng ông N chưa có khả năng thanh toán nợ. Nay ông H yêu cầu vợ chồng ông N trả nợ một lần số tiền trên, vợ chồng ông N không có điều kiện thanh toán dứt điểm; bên ông N sẽ trả khoản nợ này khi nuôi tôm trúng hoặc có điều kiện, trước mắt xin trả nợ mỗi năm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Về yêu cầu trả lãi sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật; ông N, bà C thống nhất yêu cầu này, vì phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông N, bà C khẳng định không thuộc trường hợp hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật, gia đình liệt sĩ hoặc có công với cách mạng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận.

Ngoài ý kiến trình bày như trên, vợ chồng ông N không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; không có yêu cầu gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ là Biên bản lấy lời khai của bị đơn Nguyễn Văn N. Các đương sự đều thừa nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H, buộc bị đơn Nguyễn Văn N và Dương Thị C phải trả ông Hiệp số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng theo yêu cầu của nguyên đơn; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ông H khởi kiện, yêu cầu ông N với bà C trả tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản, theo giao dịch giữa các bên xác lập trước ngày 01/01/2017 nhưng đến năm 2018 được xác lập lại; phía ông N mua tài sản để chăn nuôi với hình thức trả tiền sau, được ông H nhận lại tài sản không sử dụng nên đây là hợp đồng mua bán tài sản quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự, thuộc trường hợp mua trả chậm quy định tại Điều 453 của Bộ luật này. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết.

- Căn cứ ý kiến thống nhất của các đương sự thì từ năm 2016, các bên đã giao kết Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản; phía ông H là bên bán, vợ chồng ông N - bà C là bên mua. Bên bán và bên mua thừa nhận và không phản đối về toàn bộ những thỏa thuận cũng như việc thực hiện Hợp đồng, số tiền bên mua chưa thanh toán; không có mâu thuẫn gì khác, trừ thời hạn thanh toán.

- Căn cứ lời thừa nhận của vợ chồng ông N - bà C, thì: Do chăn nuôi khó khăn, mấy năm gần đây đều thua lỗ; ông H lại cắt hàng, đại lý cũ trước đây không đầu tư lại nên vợ chồng ông N chưa có khả năng thanh toán nợ cho ông H, hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 661.189.000 đồng.

Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận về giao dịch giữa phía nguyên đơn với các bị đơn và diễn biến sự việc tranh chấp như sau:

Ông Trần Đại H là chủ hộ kinh doanh Trường H, thông qua nhân viên của mình, ông H đã nhiều lần bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông N - bà C từ năm 2016. Đến ngày 12/3/2018, đôi bên ký kết Hợp đồng bằng văn bản, vợ chồng ông Nhàng mua tài sản để trực tiếp nuôi tôm nhưng chưa thanh toán số tiền là 661.189.000 đồng nên phát sinh tranh chấp.

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng đang tranh chấp này, thì:

Các đương sự đều không thuộc trường hợp quy định tại điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự nên ông H với vợ chồng ông N giao kết Hợp đồng trên là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 của Bộ luật dân sự; các bên cũng không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã giao kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng mua bán tài sản hợp pháp, cần được tôn trọng và bắt buộc các bên phải thi hành.

Tại Điều 2 của Hợp đồng, các bên giao kết đã có thỏa thuận về thời hạn trả tiền nhưng không cụ thể, không rõ ràng mà chỉ xác định theo hướng sẽ bàn bạc, thảo luận và thỏa thuận tùy theo tình hình thực tế.

Có nghĩa là, ý chí thực của các bên chưa xác định chính xác về thời hạn bên mua có nghĩa vụ trả tiền, để ngỏ khả năng tiếp tục thương lượng nhưng chưa thương lượng, để mặc nội dung này xác định tùy theo tình hình, đến ngày 20/6/2022 mới thương lượng tại phiên hòa giải nhưng không thành.

Xét các lý lẽ, nguyện vọng của phía bị đơn thì thấy:

Tại Khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự quy định: "*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*.

Đối chiếu với quy định vừa viện dẫn và Điều 453 của Bộ luật dân sự, bên ông N được trả lại phần không sử dụng, tài sản mua còn lại đều sử dụng hết nhưng không thanh toán khi ông H khởi kiện là đã có lỗi. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông N với bà C có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua tài sản là 661.189.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể: Ông N - bà C phải liên đới chịu 20.000.000 đồng + (4% x 261.189.000 đồng) = 30.447.560 đồng.

[4] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 688, Điều 430, Khoản 1 Điều 440, Điều 453, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H đối với ông Nguyễn Văn N và bà Dương Thị C, về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Buộc ông N và bà C có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả ông H số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản là 661.189.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi mốt triệu một trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán và ông H có đơn yêu cầu thi hành án, ông N với bà C phải trả tiền lãi theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N với bà Dương Thị C phải liên đới chịu số tiền là 30.447.560 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi đồng). Ông Trần Đại H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.224.000 đồng, theo Biên lai thu số 0002004 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG